

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	5,30			
2	Nguyễn Hữu	Thái	3671030675	28/07/1994	7,00	7,30	7,20	
3	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994	8,70	8,30	8,40	
4	Nguyễn Duy	Khánh	3772050013	10/06/1995	9,10	6,10	7,00	
5	Huỳnh Ngọc	Toàn	3772050014	10/12/1994	2,00			
6	Đinh Công	Thắng	3772050019	10/07/1995	7,20	8,10	7,80	
7	Nguyễn Hoàng	Dũng	3772050033	19/07/1994	7,70	5,50	6,20	
8	Đặng Nguyễn Vũ	Thạch	3772050034	01/01/1995	,00	,00	,00	CT
9	Đỗ Nhựt	Huy	3772050041	10/10/1993	2,70			
10	Phan Quang	Nhân	3772050043	04/02/1995	3,40	6,40	5,50	
11	Đỗ Tiến	Khoa	3772050057	14/07/1995	,00	,00	,00	CT
12	Lê Doãn	Trường	3772050061	26/09/1995	2,30	,00	,70	CT
13	Nguyễn Tấn	Phước	3772050078	24/06/1995	,00	,00	,00	CT
14	Phạm Thông	Hàng	3772050081	16/02/1995	4,30	1,40	2,30	
15	Trần Nguyễn Hiệp	Lực	3772050089	06/11/1995	4,00	7,20	6,20	
16	Lê Đức	Chiến	3772050092	02/09/1995	5,00	3,10	3,70	
17	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	3772050095	14/01/1995	5,50	4,90	5,10	
18	Hồ Tiến	Sỹ	3772050099	30/09/1995	5,00	1,20	2,30	
19	Huỳnh Hàn	Châu	3772050100	02/07/1994	7,30	1,10	3,00	
20	Lương Huệ	Hùng	3772050104	30/11/1994	,00	,00	,00	CT
21	Phạm Ngọc	Thương	3772050108	19/12/1995	,00	,00	,00	CT
22	Huỳnh Nam	Tín	3772050111	21/11/1995	5,00	5,00	5,00	
23	Nguyễn Cao	Kỳ	3772050115	03/07/1995	4,60	2,50	3,10	
24	Nguyễn Minh	Lư	3772050118	28/05/1995	6,00	7,40	7,00	
25	Nguyễn Văn	Thương	3772050131	22/08/1994	5,30	7,20	6,60	
26	Nguyễn Hoài	Phong	3772050148	18/05/1995	8,10	4,80	5,80	
27	Trần Lâm Vĩnh	Nhựt	3772050154	19/08/1994	3,60	1,00	1,80	
28	Triệu Văn	Lanh	3772050156	02/04/1992	5,30	1,30	2,50	
29	Nguyễn Đức	Hoàng	3772050162	12/04/1995	8,20	6,90	7,30	
30	Lương Ngọc	Sơn	3772050164	27/02/1994	6,90	,70	2,60	
31	Lê Thái	Ân	3772050175	03/08/1995	3,00	5,30	4,60	
32	Phạm Ngọc	Hiếu	3772050177	02/05/1995	,00	,00	,00	CT
33	Trần Minh	Tân	3772050187	12/06/1995	6,60	3,30	4,30	
34	Lâm Thành	Thái	3772050190	20/10/1995	,00	,00	,00	CT
35	Trần Huỳnh	Tiến	3772050196	25/10/1995	2,40	,00	,70	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đỗ Tạ Thành	Đạt	3772050199	27/09/1995	8,00	6,60	7,00	
37	Trần Nhựt	Trường	3772050201	03/06/1995	,00	,00	,00	CT
38	Lưu Thuận	Hỷ	3772050211	16/02/1994	6,90	4,60	5,30	
39	Nguyễn Tấn	Phụng	3772050214	17/06/1995	2,30			
40	Võ Văn	Giàu	3772050216	20/08/1994	2,00	,00	,60	CT
41	Lê Tấn	Tâm	3772050219	16/06/1995	2,80	,00	,80	CT
42	Nguyễn Thị Kim	Luyến	3772050222	19/12/1995	5,30	5,70	5,60	
43	Châu Minh	Thuận	3772050225	01/07/1995	,00	,00	,00	CT
44	Nguyễn Thanh	Nhàn	3772050226	11/11/1995	2,80	,00	,80	CT
45	Huỳnh Văn	Hùng	3772050232	14/10/1993	3,40	1,20	1,90	
46	Thái Quang Minh	Hiếu	3772050234	17/12/1995	,00	,00	,00	CT
47	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3772050237	13/09/1995	5,10	5,80	5,60	
48	Phạm Minh	Luân	3772050240	18/02/1995	4,50			
49	Lê Văn	Tùng	3772050241	10/12/1995	3,00	6,20	5,20	
50	Nguyễn Quốc	Thịnh	3772050247	08/09/1995	4,10	3,20	3,50	
51	Lê Văn	Gấm	3772050256	31/07/1995	5,30	5,50	5,40	
52	Phạm Minh	Nhật	3772050261	07/05/1995	6,40	8,20	7,70	
53	Trần Sơn	Hậu	3772050262	15/12/1994	,80	,00	,20	CT
54	Nguyễn Anh	Duy	3772050264	12/03/1995	4,40	3,80	4,00	
55	Đỗ Hữu	Vị	3772050269	13/07/1995	3,50	3,20	3,30	
56	Hồ Văn	Hậu	3772050277	07/03/1995	6,20	6,10	6,10	
57	Trần Hùng	Minh	3772050280	31/01/1995	4,20	6,80	6,00	
58	Phùng Nhựt	Trường	3772050282	19/09/1995	4,60			
59	Nguyễn Hữu	Nguyên	3772050283	28/05/1995	1,80	,00	,50	CT
60	Nguyễn Minh	Đạo	3772050290	30/10/1995	8,50	9,10	8,90	
61	Nguyễn Đức	Hiếu	3772050292	06/09/1995	5,20	4,50	4,70	
62	Nguyễn Đức	Huy	3772050295	22/10/1995	4,80	,60	1,90	
63	Trần Hồ	Vũ	3772050303	01/12/1994	5,00	5,70	5,50	
64	Nguyễn Cường	Thịnh	3772050306	12/08/1995	1,40	,00	,40	CT
65	Lê Hoàng	Thư	3772050309	29/11/1995	5,20	5,20	5,20	
66	Phạm Ngọc	Sáng	3772050329	19/05/1995	5,40	5,50	5,50	
67	Phạm Văn	Út	3772050331	11/09/1994	,00	,00	,00	CT
68	Lê Thái	Phát	3772050336	05/11/1995	3,70	6,70	5,80	
69	Lý Văn	Tài	3772050339	23/04/1995	3,20	4,20	3,90	
70	Trần Thanh	Hoài	3772050343	01/02/1995	2,90	,00	,90	CT
71	Doãn Công	Nghiệp	3772050364	25/11/1994	,00	,00	,00	CT
72	Đặng Hữu	Tâm	3772051122	18/09/1993	,00			
73	Đoàn Duy	Phương	3772051139	10/01/1994	9,90	8,40	8,90	
74	Thới Văn	Hòa	3772051428	22/01/1993	8,30	3,00	4,60	
75	Trần Phú	Quý	3772051439	21/12/1994	4,10	1,60	2,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Võ Kim	Phát	3772051446	01/03/1993	5,60	1,30	2,60	
77	Trần Văn	Minh	3772051452	04/09/1994	4,40	,00	1,30	
78	Châu Dũng Trí	Uyên	3772052045	02/01/1995	9,10	4,10	5,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)